***KỸ NĂNG LÀM BÀI THEO CÁC DẠNG CÂU HỎI ĐỌC HIỂU***

**I.CÁC BƯỚC THƯC HIỆN**

Bước 1: Đọc văn bản

- Xác định kiểu văn bản đoạn trích của ngữ liệu.

- Gạch chân nhan đề văn bản, nguồn trích dẫn, các từ khóa (từ xuất hiện nhiều lần). - Đối với văn bản nghị luận và văn bản thông tin cần chú ý thêm các câu ở các vị trí đầu, cuối văn bản và đầu mỗi đoạn trong văn bản.

Bước 2: Đọc câu hỏi

Đối với câu hỏi trắc nghiệm: gạch chân các từ khóa nêu yêu cầu cần hỏi trong phần dẫn; đọc các phương án trong phần lựa chọn, gạch chân các từ/cụm từ khác nhau giữa các phương án để tìm sự khác biệt.

- Đối với câu hỏi tự luận: Xác định chính xác từ, cụm từ nêu yêu cầu vấn đề của từng câu hỏi.

Bước 3: Trả lời câu hỏi

- Trở lại văn bản để tìm kiếm thông tin theo từng câu hỏi và trả lời:

++ Câu hỏi trắc nghiệm: Viết chữ cái đứng trước phương án trả lời đúng nhất vào trong tờ giấy thi.

++ Câu hỏi tự luận

+++ Câu hỏi nhận biết: Đề bài yêu cầu gì trả lời yêu cầu đó.

+++ Câu hỏi thông hiểu và vận dụng Trả lời trực tiếp vào vấn đề được hỏi. Tách ý để trả lời. Các ý cần nêu ngắn gọn, sắp xếp hợp lí.

- Thời gian trả lời các câu hỏi đọc hiểu: Cần cân đối giữa số lượng câu hỏi, độ khó, số điểm của phần đọc hiểu với thời gian, tổng điểm số trong bài.

**II. KỸ NĂNG TRẢ LỜI CÂU HỎI TỰ LUẬN NGẮN ĐỐI VỚI VĂN BẢN VĂN HỌC**

Các thể loại văn học trong chương trình Ngữ văn 9

Nội dung dạy học và yêu cầu cần đạt trong chương trình Ngữ văn đã được phân bổ cụ thể theo từng cấp học, khối lớp. Vì thế có những thể loại được học xuyên suốt chương trình nhưng yêu cầu cần đạt ở mỗi khối lớp khác nhau. Trong quá trình hưởng dẫn học sinh ôn tập, rèn kĩ năng đọc, viết, giáo viên cần bám sát vào yêu cầu cần đạt đổi với từng thể loại, từng kĩ năng

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Thể loại | Nội dung | Nghệ thuật |
| Truyện truyền kì,  trinh thám | Đề tài, chủ đề, tư tưởng, thông | điệp. | Không gian, thời gian, chi tiết, cốt truyện, nhân vật chính, lời người kể chuyện và lời nhân vật, lời đối thoại và lời độc thoại. |
| Truyện thơ Nôm | Để tài, chủ đề tư tưởng, thông  điệp, cảm hứng chủ đạo, mạch  cảm xúc, tỉnh cảm. | Cốt truyện, nhân vật, lời thoại. |
| Thơ song thất lục bát,tám chữ | Để tài, chủ đề tư tưởng, thông  điệp, cảm hứng chủ đạo, mạch  cảm xúc, tỉnh cảm. | Bố cục, kết cấu, ngôn ngữ, biện | pháp tu từ, vần, nhịp, số chữ, số  dòng trong một khổ; sự khác biệt với thơ lục bát. |
| Bi kịch | Đề tài, chủ đề, tư tưởng, thông | Xung đột, hành động, cốt truyện, điệp.  nhân vật, lời thoại. |

1. CÂU HỎI NHẬN BIẾT

|  |  |
| --- | --- |
| Yêu cầu cần đạt | Căn cứ và cách trả lời |
| - Xác định nhân vật chính, sự kiện chính, kê thoại trong truyện thơ Nôm.  - Xác định không gian, thời gian, nhân vật chính nhân vật trung tâm, tình huống của truyện, truyện truyền kì, truyện trinh thám.  - Liệt kê các yếu tố kì ảo trong truyện truyền k chi tiết trong truyện.  - Nêu các sự kiện chính tạo nên cốt truyện truyề kì, trinh thám.  - Chỉ ra lời người kể chuyện, lời nhân vật, lời độ thoại, lời đối thoại trong văn bản truyện, truyệ truyền kì, truyện trinh thám. | - Đặc trưng thể loại của truyện thơ Nôm, truyện truyền kì, truyện trình thám.  - Các yếu tố cốt truyện, sự kiện, vị trí nhân vật, lời thoại giữa các kì; nhân vật trong văn bản truyện thể hiện. |
| - Xác định thể thơ được sử dụng trong văn bản. Nêu đặc điểm hình thức thể loại thơ song tha lục bát, lục bát được thể hiện trong văn bản.  - Xác định cách ngắt nhịp, cách gieo vần tron  văn bản.  - Gọi tên và chỉ ra biện pháp tu từ được sử dụn trong câu thơ, đoạn thơ. | - Đặc điểm thi luật của các thể thơ at song thất lục bát, lục bát.  Các yếu tố nội dung và hình thức văn bản thơ thể hiện.  - Dấu hiệu nhận biết của các biện pháp tu từ, cách gieo vần, cách ngắt nhịp. |
| Xác định nhân vật kịch, xung đột kịch, cốt truyện trong đoạn trích kịch.  Xác định lời thoại, chỉ dẫn sân khấu các đoạn đối thoại, độc thoại trong đoạn trích kịch. | - Đặc trưng thể loại bi kịch. - Nội dung văn bản kịch thể hiện.  đoạn  trực |
| Xác định cách dẫn gián tiếp, cách dẫn dẫn trực tiếp; câu đơn, câu ghép, câu rút gọn, câu đặc biệt. | -Đặc điểm, dấu hiện nhận biết  biệt. của cách dẫn gián tiếp, cách dẫn trực tiếp;  - Đặc điểm cấu tạo các kiểu câu | đơn, câu ghép, câu rút gọn, câu  đặc biệt. |

1. CÂU HỎI THÔNG HIỂU

|  |  |
| --- | --- |
| Giải thích ý nghĩa nhan đề của văn bản | - Nêu rõ nhan đề của văn bản.  - Giải thích ý nghĩa nhan đề, trả lời các câu hỏi sau:  | + Nhan đề có hình thức cấu tạo là một cụm từ ngữ hay một câu Nhan đề được đặt theo cách nào?  + Với thể loại truyện. Nhan đề có thể được đặt theo hình tượng nhân vật trung tâm hoặc theo tình huống truyện hoặc theo hình tượng nghệ thuật, hoặc theo không gian, thời gian nghệ thuật trong văn bản...  ++ Với thể loại thơ: Nhan đề có thể được đặt theo bối cảnh không gian, thời gian nghệ thuật; sự kiện; hình tượng nghệ thuật; tâm trạng của nhân vật trữ tình....  + Nhan đề đó đã hưởng người đọc tập trung vào nội dung, vẫn đề gì trong văn bản?  + Nhan đề đó góp phần thể hiện thái độ, cảm xúc, dụng ý nghệ thuật của tác giả như thế nào?  + Nhan đề đó khơi gợi điều gì trong bạn đọc? |
| Nêu vai trò của lời người kể chuyện trong việc khắc hoạ hình tượng nhân vật | - Nêu rõ những lời văn khắc họa hình tượng nhân vật của người kể chuyện  - Vai trò của lời người kể chuyện, trả lời các câu hỏi:  + Lời văn đó có góp phần khắc họa chân thực, cụ thể, chi tiết hơn về hoàn cảnh xuất thân hay dáng vẻ ngoại hình hay trạng thái, lời nói, cử chỉ hay tính cách, tâm trạng của nhân vật hay không?  + Lời văn đó phản ánh cái nhìn mang tính khách quan hay chủ quan trong quá trình khắc họa hình tượng nhân vật?  + Lời văn đó góp phần bộc lộ thái độ, tình cảm của nhà văn dành cho nhân vật như thế nào? |
| Nêu ý nghĩa của chi tiết trong văn bản | - Xác định chi tiết đó thuộc phương diện nào? Xuất hiện bao nhiêu lần trong tác phẩm?  - Tìm hiểu ý nghĩa của chi tiết:  + Khắc họa nhân vật.  + Tạo sự phát triển cho câu chuyện.  + Thể hiện tư tưởng nghệ thuật của tác phẩm.  + Thể hiện tài năng nghệ thuật của tác giả. |
| Nêu hiệu quả của biện pháp tu từ | - Gọi tên, chỉ ra từ ngữ, hình ảnh chứa biện pháp tu từ.  - Nêu hiệu quả: Biện pháp tu từ... đã đem lại hiệu quả cho văn  bàn.  + Về nội dung (trả lời các câu hỏi): Nhằm nhấn mạnh/ khắc họa điều gì? Thể hiện tâm trạng, thái độ, cảm xúc gì của tác giả? Qua đó gửi gắm thông điệp, bài học, ý nghĩa gì của tác giáo  + Về hình thức nghệ thuật:  ++ Với các biện pháp: Tạo nhịp điệu...; giọng điệu...; tăng tính liên kết cho văn bản (chỉ rõ nhịp điệu gì, giọng điệu gì);  + Với các biện pháp ẩn dụ, so sánh, nhân hóa, hoán dụ Khiến văn bản đoạn văn giàu hình ảnh, sinh động, hấp dẫn. |
| Tâm trạng,tình cảm của nhân vật trữ tình được thể hiện như thế nào trong văn bản? | - Xác định hình tượng nhân vật trữ tình,bó cuc, kết cấu trong văn bản.  - Tìm những từ ngữ, hình ảnh bộc lộ trực tiếp hoặc gián tiếp tâm trạng, tình cảm của nhân vật trữ tình.  - Nêu rõ tâm trạng, tình cảm, mạch cảm xúc của nhân vật trữ tình theo bố cục hoặc kết cấu văn bản. |
| Nêu tác dụng của thể thơ trong việc thể hiện nội dung của văn bản | - Chỉ rõ thể thơ được sử dụng trong văn bản.  éc - Tác dụng về nội dung (trả lời các câu hỏi): Có góp phần khác ng hoa thể hiện chủ đề của văn bản không? Có góp phần bảo lại diễn tả tâm trạng, thái độ, tình cảm của tác giả/ nhân vật t tình không?.  - Tác dụng về nghệ thuật (trả lời câu hỏi). Có góp phần tạo nhịp  điệu thơ, giọng thơ, tỉnh nhạc không? |
| Những lời đọc thoại góp phần thể hiện tâmtrạng,thái độ và tính cách của nhân vật kịch như thế nào | - Nêu khái quát nội dung những lời độc thoại của nhân vật: nói nể với ai, về điều gì?  - Tác dụng của những lời độc thoại, trả lời các câu hỏi:  + Lời độc thoại đó cho thấy tâm trạng gì của nhân vật?  + Lời độc thoại đó bộc lộ thái độ của nhân vật như thế nào?  + Lời độc thoại đó khắc họa tính cách gì của nhân vật? |

1. CÂU HỎI VẬN DỤNG

|  |  |
| --- | --- |
| Cách giải quyết xung đột có phù hợp với cuộc sống hiện nay không? Vì sao | - Nêu rõ cách giải quyết xung đột trong văn bản.  hù  - Bày tỏ quan điểm bản thân: cách giải quyết đỏ phù hợp hoặc 1g - không phù hợp..  Vi  - Lí giải cho quan điểm của bản thân:  + Nếu cho rằng cách giải quyết đó chưa phù hợp thì cần làm rõ sự khác nhau về bối cảnh xã hội, quan điểm nhận thức; điểm chưa phù hợp trong cách giải quyết với cuộc sống hiện nay.  + Nếu cho rằng cách giải quyết đó phù hợp thì làm rõ sự giống nhau về quan điểm nhận thức, những điểm phù hợp vẫn có ý nghĩa với bối cảnh cuộc sống hiện nay. |
| Nêu suy nghĩ của bản thân về chi iết,lời thoại,ngôn ngữ nhân vật trong văn bản | - Nêu nội dung chi tiết, lời thoại, khi nhân vật.  - Bày tỏ suy nghĩ của bản thân, trả lời các câu hỏi:  + Chi tiết, lời thoại, ngôn ngữ của nhân vật giúp em có những nhận thức gì về nhân vật trong văn bản. |
| Suy nghĩ của em về chủ đề hoặc nội dung của văn bản | - Nêu chủ đề hoặc khái quát nội dung văn bản.  - Khẳng định từ chủ đề hoặc nội dung văn bản đã gợi cho mỗi chúng ta những suy nghĩ sâu sắc:  + Nhận thức được những điều gì từ nội dung, chủ đề của văn  bán?  + Thức tỉnh trong em những thái độ, xúc cảm gì?  + Từ đó, giúp bản thân em ý thức được cần phải làm gì?  xa |
| So sánh để chỉ ra sự tương đồng,khác biệt về nội dung và hình thức nghệ thuật giữa hai tác phẩm | - Chỉ ra điểm tương đồng, khác biệt về nội dung và hình thức nghệ và thuật theo các tiêu chí.  - Tiêu chí về nội dung:  + Đối với truyện: đề tài, chủ đề, câu chuyện, nhân vật, tư tưởng, thông điệp của nhà văn.  + Đối với thơ: đề tài, chủ đề, mạch cảm xúc, cảm hứng chủ đạo, tư tưởng, thông điệp của nhà thơ.  + Đối với bi kịch: đề tài, chủ đề, tư tưởng, thông điệp của nhà viết kịch.  - Tiêu chí về nghệ thuật:  + Đối với truyện: không gian, thời gian, cốt truyện, chi tiết, nhân vật chính, lời người kể chuyện và lời nhân vật; lời đối thoại và lời độc thoại.  + Đối với thơ: bố cục, nhịp, số chữ, số dòng.  kết cấu, ngôn ngữ, biện pháp tu từ; vần,  + Đối với kịch: xung đột, hành động, cốt truyện, nhân vật, lời thoại. |
| Nội dung tư tưởng văn bản có ý nghĩa như thế nào với thế hệ trẻ ngày nay? | - Nếu tư tưởng văn bản.  - Nêu ý nghĩa của tư tưởng văn bản, trả lời các câu hỏi:  + Tư tưởng đó giúp thế hệ trẻ ngày nay nhận thức được điều  gi?  + Tư tưởng đó khơi dậy những tình cảm, thái độ gì trong thế hệ trẻ?  + Tư tưởng đó giúp cho thế hệ trẻ xác định được những việc làm, hành động gì của bản thân? |
| Rút ra thông điệp,bài học ý nghĩa nhất từ văn bản.Thông điệp,văn bản đó có ý nghĩa như thế nào trong cuộc sống hiện nay? | - Nêu thông điệp, bài học bằng một câu đơn, bám sát vào nội dung chính của văn bản.  - Nêu ý nghĩa của thông điệp, bài học, trả lời các câu hỏi:  + Thông điệp, bài học đó giúp em nhận thức được điều gì? + Thông điệp, bài học đó khơi dậy trong em những tình cảm, thái độ gì?  + Thông điệp, bài học đó giúp em nhận thấy cần phải làm gì? |

**III.KỸ NĂNG TRẢ LỜI CÂU HỎI NGẮN ĐỐI VỚI KIỂU VĂN BẢN NGHỊ LUẬN**

**VĂN BẢN NGHỊ LUẬN**

**- Luận đề**

**- Luận điểm**

**- Lí lẽ**

**- Bằng chứng**

1. CÂU HỎI NHẬN BIẾT

|  |  |
| --- | --- |
| Xác định luận đề của văn bản. | - Khái niệm về luận đề.  - Căn cứ xác định luận đề: nhan đề văn bản; các câu chủ đề trong từng đoạn văn. |
| Xác định cách trình bày vấn đề của văn bản. | – Cách trình bày vấn đề khách quan (cung cấp thông tin) và cách trình bày vấn đề chủ quan (thể hiện suy nghĩ, quan Tiềm, thái độ, tình cảm của người viết).  - Căn cứ cách trình bày: nhan đề, luận đề, hệ thống luận điểm của văn bản. |
| Để triển khai luận đề, tác giả đã đưa ra những luận điểm nào | - Khái niệm về luận điểm.  - Căn cứ nội dung văn bản; chủ chủ đề của các đoạn văn trong văn bản. |
| Chỉ ra mối quan hệ giữa các luận điểm trong văn bản. | - Khái niệm về luận điểm.  - Cách sắp xếp các luận điểm trong văn bản nghị luận |
| Xác định cách triển khai của đoạn văn... trong văn bản. | - Khái niệm đoạn văn  - Cách triển khai của đoạn văn: diễn dịch, quy nạp, song hành, tổng phản hợp. |
| Chỉ ra những lí lẽ được sử dụng trong phần đoạn... của văn bản | - Khái niệm về lí lẽ.  - Vị trí của lí lẽ trong đoạn văn thường ở vị trí sau câu chủ đề, trước câu nêu dẫn chứng. |
| Dựa vào nội dung văn bản, xác định bối cảnh ra đời của văn bản. | - Kĩ năng đọc, gạch chân các câu văn chứa thông tin cần tìm  - Kĩ năng viết ngắn gọn: “trúng, đúng, đủ” |
| Chỉ ra thông tin chính trong những lí lẽ của tác giả nêu ra. | - Kĩ năng đọc, gạch chân các từ/cụm từ chứa thông tin |
| Chỉ ra các từ/cụm từ chứa thông tin chính trong lí lẽ của tác giả  nêu ra. | -Khái niệm dẫn chứng.  - Các loại dẫn chứng thường gặp: số liệu; sự vật hiện tượng; nhân vật ngoài đời sống; câu nói ý nghĩa của các nhân vật nổi tiếng. |
| Liệt kê các dẫn chứng được tác giả sử dụng trong văn bản.  Xác định phương thức biểu đạt chính hoặc các phương thức biểu đạt được sử dụng trong văn bản. | - Đặc trưng và mục đích của văn bản nghị luận: bày tỏ c quan điểm và thuyết phục người đọc, người nghe đồng tinh at | với quan điểm của người viết.  - Phương thức biểu đạt chính: Nghị luận. Có sử dụng kết hợp các phương thức: miêu tả, biểu cảm, tự sự, thuyết minh (tùy từng văn bản, dung ý của người viết). |
| Chi rõ các kiểu câu theo cấu tạo ngữ pháp có được sử dụng trong các câu văn đoạn văn. | - Đặc điểm cấu tạo của các kiểu câu: câu đơn, câu ghép,  câu rút gọn, câu đặc biệt.  - Dấu hiệu nhận biết các kiểu câu. |
| Liệt kê các biện pháp tu từ được sử dụng trong đi các câu văn/đoạn văn. | - Đặc điểm của các biện pháp tu từ chơi chữ, điệp thanh,diep van.  - Dấu hiệu nhận biết các biện pháp tu tử.  Phán |

1. CÂU HỎI THÔNG HIỂU

|  |  |
| --- | --- |
| Luận đề của văn bản được triển khai như thế nào qua hệ thống luận điểm, lí lẽ và dẫn chứng? | - Nêu luận đề của văn bản.  Chi rõ các luận điểm được triển khai từ luận đề của văn  bán.  - Trong từng luận điểm, cần nêu rõ lí lẽ và bằng chứng  được tác giả sử dụng. |
| Nhận xét về cách nêu lí lẽ và phân tích bằng chúng trong đoạn phần...  của văn bản. | - Chỉ rõ li lẽ và bằng chứng được sử dụng trong văn bản. - Nhận xét, trả lời các câu hỏi sau:  + Lí lẽ có sắc bén hay không? Bằng chứng có xác thực không? Lí lẽ và bằng chứng có được trình bảy theo trình tự hợp lí không? Bằng chứng được nêu ra trước hay sau lí lẽ? + Sự kết hợp giữa lí lẽ và bằng chứng có phủ hợp, chặt chẽ làm sáng rõ luận điểm hay không? |
| Em hiểu như thế nào về lí là câu nói lý tưởng... được tác giả nêu ra trong đoạn phần... của văn bản. | - Giải thích các từ ngữ, khái niệm (nếu cần).  - Nêu nội dung của lí lẽ/câu nói ý tưởng... bằng ngôn ngữ cá nhân theo từng vế, từng ý.  - Rút ra thông điệp/ý nghĩa của li lẽ/câu nói/ý tưởng. |
| Nhận xét về những lí là được tác giả nêu ra trong đoạn/phần... của văn  bàn. | - Chỉ rõ lí lẽ được sử dụng trong văn bản.  - Nhận xét, trả lời các câu hỏi sau:  + Li lẽ nêu ra có phù hợp, có làm sáng rõ luận điểm  không?  + Li lẽ có sắc bén, có thuyết phục được người đọc/người nghe không?  + Cách sử dụng ngôn từ, kiểu câu, biện pháp tu từ góp phần tạo giọng điệu cho lí lẽ như thế nào? |
| Thái độ, tình cảm của tác giả được thể hiện như thế nào qua các lí lẽ? | - Chỉ rõ lí lẽ được sử dụng trong văn bản.  - Nêu thái độ của tác giả được thể hiện qua lí lẽ bằng cách:  + Nêu chính xác thái độ của tác giả theo các từ ngữ bộc lộ trực tiếp trong từng lí lẽ (nếu có).  + Căn cứ vào cách dùng từ ngữ, hình ảnh, kiểu câu, nhịp điệu, giọng điệu của tác giả thể hiện trong từng lí lẽ để chỉ ra chính xác thái độ, tình cảm của tác giả. |
| Nêu tác dụng của bằng chứng được sử dụng trong văn bản. | - Chỉ rõ bằng chứng được trích dẫn.  . Tác dụng về nội dung (trả lời các câu hỏi): Có góp phần khẳng định tính đúng đắn của quan điểm/vấn đề mà tác giả nêu ra trong văn bản không? Qua đó, gửi gắm thông điệp, bài học gì của tác giả?  - Tác dụng về hình thức (trả lời các câu hỏi): Có tăng tính xác thực, lập luận thuyết phục cho văn bản không? Văn bản có sinh động, hấp dẫn không? |
| Nhận xét về cách triển khai bằng chứng của tác  giả trong đoạn phần... của văn bản. | - Chỉ rõ bằng chứng được trích dẫn, phân tích.  Nhận xét về cách triển khai bằng chứng, trả lời các câu hỏi sau:  + Bằng chứng được lựa chọn có chính xác, phù hợp với luận điểm /luận đề của văn bản hay không?  + Bằng chứng được nêu ra trước hay sau lí lẽ? Có được phân tích để làm rõ luận điểm không? |
| Nêu hiệu quả của việc kết hợp các phương thức biểu đạt trong văn bản. | - Chỉ rõ các phương thức biểu đạt được sử dụng trong văn  bȧn.  - Hiệu quả về nội dung (trả lời câu hỏi). Có làm nổi bật. được luận đề luận điểm trong văn bản không?  - Hiệu quả về hình thức nghệ thuật: Có làm cho văn bản  sinh động, hấp dẫn không?  Hiệu quả với bạn đọc: Có thuyết phục được người  nghe/người đọc hay không? |
| Nêu hiệu quả của việc sử dụng biện pháp tu từ trong đoạn văn. | - Gọi tên, chỉ ra từ ngữ, hình ảnh chứa biện pháp tu tử. - Nêu hiệu quả. Biện pháp tu từ... đã đem lại hiệu quả cho  văn bản.  + Về nội dung (trả lời các câu hỏi): Nhằm nhấn mạnh khắc họa điều gì? Thể hiện tâm trạng, thái độ, cảm xúc gì của tác giả? Qua đó gửi gắm thông điệp, bài học, ý nghĩa  gì của tác giả?  + Về hình thức nghệ thuật:  ++ Với các biện pháp điệp: Tạo nhịp điệu..., giọng điệu. tăng tính liên kết cho văn bản (chỉ rõ nhịp điệu gì, giọng  điệu gì);  + Với các biện pháp ẩn dụ, so sánh, nhân hóa, hoán dụ Khiến văn bản/ đoạn văn giàu hình ảnh, sinh động, hấp dẫn. |
| Nêu tác dụng của việc sử dụng kết hợp các kiểu câu đơn, câu ghép trong việc thể hiện nội dung văn bản | - Chỉ rõ câu đơn, câu ghép trong văn bản.  - Hiệu quả trong việc thể hiện nội dung văn bản (trả lời các ng | câu hỏi):  + Nhằm thể hiện nội dung đơn giản hay phức tạp? Có góp phần làm sáng rõ luận đề luận điểm hay không?  + Góp phần thể hiện quan điểm, tâm trạng, thái độ, cảm xúc gì của tác giả? |

1. CÂU HỎI VẬN DỤNG

|  |  |
| --- | --- |
| Điều em tâm đắc nhất từ văn bản là gì? Vì sao? | - Nêu điều tâm đắc nhất của bản thân:  + Trên phương diện nội dung: có thể tâm đắc về luận đề, luận điểm; về quan điểm, thái độ; về lí lẽ của tác giả...  + Trên phương diện nghệ thuật; có thể tâm đắc về cách triển khai đoạn văn; cách lựa chọn, sắp xếp bằng chứng cách sử dụng từ ngữ, kiểu câu…  - Lí giải vì sao, trả lời các câu hỏi:  + Điều tâm đắc đó có làm sống rô luận đề, quan điểm, thái độ của tác giả trong văn bản không? Có tạo được sự sinh động, hấp dẫn, giọng điệu cho văn bản không?  + Điều tâm đắc đó có thuyết phục được người đọc, người nghe hay không?  + Điều tâm đắc đó gợi mở trong em những suy nghĩ, nhận thức, tình cảm, thái độ gì? |
| Thông điệp ý nghĩa nhất văn bản gửi đến cho em là gì? Vì sao? | - Nếu thông điệp/ bài học ngắn gọn bằng một câu đơn, 2 | bám sát vào nội dung chính của văn bản.  - Lí giải: 03 lí lẽ, trả lời các câu hỏi:  + Thông điệp/bài học đó đã giúp em nhận thức được vai trò quan trọng của vấn đề gì?  + Thông điệp/bài học đó đã đem lại những cảm xúc tích cực nào cho bản thân em?  + Thông điệp/bài học đó đã định hướng những việc làm, hành động tích cực nào cho bản thân em? |
| Theo em,vấn đề đặt ra trong văn bản có ý nghĩa trong cuộc sống hiên nay không? Vì sao? | - Chi rõ quan điểm của bản thân: Vấn đề đó có ý nghĩa hoặc không có ý nghĩa.  - Lí giải:  + Nếu cho rằng vấn đề đó có ý nghĩa, nêu rõ sự tác động tích cực của vấn đề đó với cá nhân mỗi người và với cộng đồng, xã hội.  + Nếu cho rằng vấn đề đó không có ý nghĩa, chỉ rõ những mặt hạn chế của vấn đề, dự báo những điều không tích cực sẽ tác động đến cá nhân và cộng đồng, xã hội. |
| Theo em,vấn đề được đặt ra trong văn bản đúng hay sai? Vì sao? | - Căn cứ vào bản chất của vấn đề, vào những chuẩn mực đạo đức, những giá trị sống cốt lõi để bày tỏ quan điểm của bản thân về vấn đề: đúng hoặc sai.  - Lí giải:  + Nếu cho rằng vấn đề là đúng, cần nêu vai trò, ý nghĩa, sự tác động tích cực của vấn đề đó với cá nhân mỗi người và với cộng đồng, xã hội.  + Nếu cho rằng vấn đề là sai, cần nêu rõ những tác hại, hậu quả, những tác động tiêu cực của vấn đề đó với cá nhân  mỗi người và với cộng đồng, xã hội |
| Từ cách triển khai luận điểm,lí lẽ,bằng chứng em rút ra được bài học gì về cách viết văn nghị luận? | - Nêu khái quát lại cách triển khai luận điểm, II lên bằng  g chứng.  - Bài học về cách viết văn nghị luận:  + Triển khai luận điểm phải dựa trên cơ sở luận đề của văn | bản. Các luận điểm cần liên kết chặt chẽ với nhau. Luận điểm trước là cơ sở cho luận điểm sau.  | + Lí lẽ, bằng chứng cần phù hợp với luận điểm, luận đề | triển khai; sắp xếp theo trình tự hợp lí, băng chứng được nêu  ngay sau lí lẽ  ' + Lí lẽ cần sắc bén, làm rõ luận đề/luận điểm và thể hiện rồi 7 điểm của người viết. Bằng chứng cụ thể, xác thực được phân tích đúng, trúng theo luận đề luận điểm của văn bản.  quan |
| Em có đồng ý với ý kiến…không? Vì sao? | - Chỉ rõ quan điểm của bản thân: đồng ý hoặc không đông |  ý hoặc đồng ý một phần.  - Lí giải, trả lời cho các câu hỏi sau:  + Nếu đồng ý. Nội dung của ý kiến câu nói lí lẽ đó phủ | hợp và làm sáng rõ luận đề luận điểm như thế nào? Thuyết phục được người đọc, người nghe và tác động tích cực đến bản thân em như thế nào?  + Nếu không đồng ý: Nội dung của ý kiến/câu nói li lẽ đó chưa phù hợp và chưa làm sáng rõ luận đề luận điểm như thể nào? Chưa thuyết phục được người đọc, người và bản  thân em ra sao? |
| Em suy nghĩ như thế nào về ý nghĩa câu nói được nêu trong văn bản | - Khái quát nội dung văn bản/ câu văn.  - Khẳng định văn bản / câu văn đã gợi cho mỗi chúng ta những suy nghĩ sâu sắc:  + Nhận thức: Nhận thức được những điều gì từ nội dung  của văn bản / câu văn?  + Thái độ, tình cảm: Thức tỉnh trong mỗi chúng ta những xúc cảm gì?  + Hành động: Từ đỏ, giúp bản thân ta ý thức được cần phải làm gì? |
| Từ cách nêu bằng chứng rong đoạn văn của văn bản,em học hỏi được điều gì? | - Nêu khái quát lại bằng chứng được sử dụng trong đoạn văn  - Học hỏi được tiêu chí lựa chọn và cách phân tích dẫn chứng trong văn nghị luận:  + Lựa chọn dẫn chứng: Cần phù hợp với luận đề/luận điểm; đảm báo tỉnh xác thực, tính thời sự không vi phạm chuẩn mực đạo đức  + Cách nêu dẫn chứng: Cần cụ thể, chính xác, ngắn gọn và bổ trợ cho lí lẽ được nêu ra phía trước, làm sáng rõ luận đề/luận điểm. |

**IV.KĨ NĂNG TRẢ LỜI CÂU HỎI TỰ LUẬN NGẮN ĐỐI VỚI KIỂU VĂN BẢN THÔNG TIN**

**VĂN BẢN THÔNG TIN**

**- HÌNH THỨC**

**+ NHAN ĐỀ,SAPO**

**+ ĐỀ MỤC**

**+ CHỨ IN NGHIÊNG,IN ĐẬM**

**+ SƠ ĐỒ,BẢNG BIỂU,HÌNH ẢNH**

**+ CÁCH TRÌNH BÀY DỮ LIỆU**

1. CÂU HỎI NHẬN BIẾT

|  |  |
| --- | --- |
| -Chỉ ra đặc điểm của văn bản giới thiệu một danh lam thắng cảnh/di tích lịch sử/bài phong vấn  - Xác định cách trình bay  thông tin trong văn bản.  - Chỉ ra một phương tiện phi ngôn ngữ được sử dụng trong văn bản. | - Đặc điểm của văn bản giới thiệu danh lam thắng cảnh/di tích lịch sử:  + Bố cục: 3 phần (mở đầu,nội dung,kết thúc)   + Hình thức văn bản: nhan đề, đê mục, chữ in đậm, | nghiêng; sử dụng các thuật ngữ chuyên ngành; phương tiện phi ngôn ngữ (tranh, ảnh, sơ đồ, bảng biểu.…   + Cách trình bày thông tin theo trật tự thời gian, theo - trật tự không gian; theo quan hệ nhân quả, theo phân loại đối tượng, theo so sánh và đối chiếu…  - Đặc điểm của văn bản phỏng vấn:  Bo cuc: : ba phần (mở đầu, nội dung, kết thúc)  + Hình thức văn bản: nhan đề, đê mục, chữ in đậm, | nghiêng; sử dụng các thuật ngữ chuyên ngành; phương tiện phi ngôn ngữ (tranh, ảnh, sơ đồ, bảng biểu.… |
| Xác định phương thức biểu đạt chính hoặc các phương thức biểu đạt được sử dụng trong văn bản. | - Đặc trưng của các phương thức biểu đạt: biểu cảm, miêu tả, tự sự, nghị luận, thuyết minh, hành chính công vụ.  - Mục đích của văn bản. |
| - Liệt kê các câu văn có sử dụng yếu tố miêu tả biểu cảm trong văn bản. | - Đặc trưng của phương thức biểu đạt miêu tả, biểu cảm.  - Căn cứ vào văn bản. |
| - Chỉ ra cách dẫn trực tiếp và cách dẫn gián tiếp trong văn bản. | - Khái niệm, đặc điểm, dấu hiệu nhận biết của cách dẫn trực tiếp, cách dẫn gián tiếp.  - Căn cứ vào văn bản. |
| - Liệt kê tên viết tắt của một/một số tổ chức quốc tế được sử dụng trong văn bản. | - Căn cứ yêu cầu đề bài.  - Tìm vị trí của cụm từ ngữ trong đoạn trích/văn bản. |
| - Chỉ ra các từ/cụm từ chứa thông tin chính trong văn bán.  - Chi ra thông tin chính trong văn bản. | Căn cứ vào nhan đề, chủ đề, ý chính, ý phụ của văn bản. |
| - Chỉ ra mạch kết nối các nội dung trong văn bản | Căn cứ vào nhan đề, chủ đề, ý chính, ý phụ của văn bản |
| Xác định mục đích của văn bản. | - Căn cứ vào nội dung, tư tưởng, thông điệp của văn bàn. |

1. CÂU HỎI THÔNG HIỂU

|  |  |
| --- | --- |
| - Nêu hiệu quả của việc kết hợp các phương thức biéu dat trong văn bản. | -Nếu rõ các phương thức biểu đạt được sử dụng trong văn bản.  -Nếu hiệu quả của việc kết hợp các phương thức biểu đạt, trả lời các câu hỏi:  + Việc kết hợp đó có làm nổi bật được vấn đề chủ đề chính của văn bản không?  + Có làm cho văn bản sinh động, hấp dẫn không?  + Có thuyết phục được người nghe người đọc hay không? |
| Nếu hiệu quả tác dụng của cách trình bày thông tin trong văn bản | - Chỉ rõ cách trình bày thông tin trong văn bản. .  -Nêu tác dụng của cách trình bày thông tin trong văn bản, trả lời các câu hỏi:  + Có làm rõ được thông tin, chủ đề chính của văn bản hay không?  + Có thể hiện dụng ý gì của tác giả hay không?  - Có giúp cho bạn đọc dễ hiểu, dễ nhớ hay không? |
| - Nêu tác dụng của việc sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ trong văn bản | - Chỉ rõ phương tiện phi ngôn ngữ được sử dụng trong đoạn trích/văn bản.  - Tác dụng của việc sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ, trả lời các câu hỏi sau:  + Phương tiện đó có góp phần minh họa cụ thể thông tin được nêu ra trong văn bản không?  + Có góp phần truyền tải quan điểm, ý tưởng của người viết hay không?  + Có làm cho văn bản sinh động, hấp dẫn không?  +Có thu hút được người đọc hay không? |
| - Nêu tác dụng của phép biến đổi/ phép mở rộng cấu trúc câu. | - Chi rõ phép biến đổi/mở rộng cấu trúc câu.  - Nêu tác dụng của phép biến đổi/mở rộng cấu trúc câu, trả lời các câu hỏi sau:  + Có góp phần thể hiện rõ ràng, chính xác nội dung cần diễn đạt trong câu hay không?  + Có góp phần thể hiện thái độ, tình cảm, sự đánh giá của người nói (người viết) đối với sự vật, sự việc được nói đến trong câu hay không?   + Có góp phần tăng sự liên kết câu, khiến cho cách diễn đại. phong phủ, sinh động hơn không? |
| - Nhun để có ý nghĩa như thế này trong việc thể hiện thông tin chính của ván bản | - Nêu rõ nhan đề của văn bản  - Nêu ý nghĩa của nhan để trong việc thể hiện thông tin chính của văn bản, trả lời các câu hỏi sau:  + Nhan đề đã đề cập đến thông tin gì?  + Thông tin đó có đề cập đến nhân vật, sự kiện chính được nhắc đến trong văn bản hay không?  - Có góp phần khiến thông tin chính được triển khai rõ ràng, mạch lạc hơn không?  + Người đọc có dễ dàng theo dõi được thông tin chính qua nhan đề hay không? |
| Nêu tác dụng của việc trích dẫn các tư liệu lịch sử trong văn bản | - Chỉ rõ tư liệu lịch sử được trích dẫn.  - Nêu tác dụng của việc trích dẫn tư liệu lịch sử, trả lời các câu hỏi:  + Có góp phần làm rõ thông tin, sự kiện chính được đề cập đến trong văn bản không?  + Có thể hiện được mục đích của bài viết hay không?  + Có tăng tính xác thực, thuyết phục cho văn bản không? Văn ản có sinh động, hấp dẫn không? |

1. CÂU HỎI VẬN DỤNG

|  |  |
| --- | --- |
| Từ cách sử dụng kết hợp các phương thức biểu đạt trong văn bản,em rút ra được bài học gì về cách viết văn bản thông tin | - Chi rõ các phương thức biểu đạt được sử dụng kết hợp trong văn bản.  - Rút ra bài học về cách viết văn bản thông tin:  + Sự kết hợp với phương thức miêu tả, biểu cảm sẽ khiến cho văn bản bớt khô khan, chỉ đơn thuần cung cấp thông tin khách quan đem lại sự sinh động, hấp dẫn cho văn bản thông tin. Sử dụng kết hợp với phương pháp nghị luận sẽ góp phần tăng tính thuyết phục về những thông tin được cung cấp  +  + Sự kết hợp các phương thức biểu đạt phải được sử dụng với mục đích làm rõ thông tin chính, sự kiện chính, nhân vật chính của văn bản, không được phá vỡ trình tự trình bày thông tin  +  + Cần tránh việc lạm dụng các phương tiện phi ngôn ngữ. Phải biết chọn lọc những phương tiện phi ngôn ngữ một cách chính xác, hiệu quả nhất. |
| Liên hệ,vận dụng được những điều đã đọc từ văn bản để giải quyết vấn đề trong cuộc sống | - Chỉ rõ thông tin, vấn đề đã được đọc, được cập nhật từ văn ai bán  - Nêu rõ cách vận dụng những thông tin, vấn đề đó vào giải quyết các vấn đề khác trong cuộc sống, trả lời các câu hỏi sau:  + Thông tin chính đó giúp em có thêm những nhận thức mới, kiến thức mới nào về lĩnh vực, vấn đề mà em cần giải quyết?  + Thông tin chính đó giúp em có thái độ, cảm xúc như thế nào khi đứng trước một vấn đề em cần phải giải quyết?  + Thông tin chính đó giúp em tìm thấy hướng giải quyết cho vấn đề của mình như thế nào? |